

UBND TỈNH TUYÊN QUANG  
CÔNG TY CỔ PHẦN  
CẤP THOÁT NƯỚC TUYÊN QUANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC TUYÊN QUANG**  
**NĂM 2022 (Từ 01/01/2022 đến 31/12/2022)**

Tuyên Quang, tháng 3 năm 2023

Tuyên Quang, ngày 17 tháng 3 năm 2023

## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC TUYÊN QUANG NĂM 2022

### I. Thông tin chung:

#### 1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: TUWASE CO.JSC.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 5000126040 đăng ký lần đầu ngày 22/04/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 08 ngày 03/12/2021.
- Vốn điều lệ: 89.332.000.000 đồng.
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 89.332.000.000 đồng.
- Địa chỉ: Số 103, đường Tôn Đức Thắng, tổ 09, phường Hưng Thành, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.
- Số điện thoại: 02073 822 586.
- Website: <http://capthoatnuoctuyenquang.vn/>
- Mã cổ phiếu: TQW.

#### *Quá trình hình thành và phát triển:*

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tuyên Quang, tiền thân là Ban Kiến Thiết nhà máy nước Tuyên Quang theo Quyết định số 134/TC-CQ ngày 18/9/1971 của Ủy ban hành chính tỉnh Tuyên Quang thuộc Ty xây dựng Tuyên Quang quản lý;

Ngày 18/5/1978, UBND tỉnh Hà Tuyên ban hành Quyết định số 284/TCCB về việc thực hiện chuyển giao Ban kiến thiết nhà máy nước thuộc Ty xây dựng về cho UBND thị xã Tuyên Quang quản lý;

Tháng 03/1985, UBND tỉnh Hà Tuyên ban hành Quyết định số 123/UB-QĐ về việc chuyển giao nhà máy nước thị xã Tuyên Quang thuộc UBND thị xã Tuyên Quang sang Sở xây dựng và công trình đô thị Hà Tuyên quản lý, có tên gọi là Xí nghiệp cấp nước Hà Tuyên;

Tháng 05/1986, UBND tỉnh Hà Tuyên ban hành Quyết định số 135/UB-QĐ về việc đổi tên Xí nghiệp cấp nước Hà Tuyên thành Công ty Cấp thoát nước Hà Tuyên trực thuộc Sở xây dựng và công trình đô thị quản lý;

Tháng 02/1993, Chủ tịch UBND tỉnh Tuyên Quang có Quyết định số 44/QĐ-CT về việc thành lập doanh nghiệp Nhà nước, có tên gọi Công ty Cấp thoát nước thuộc Sở xây dựng Tuyên Quang quản lý;

Tháng 04/2010, UBND tỉnh Tuyên Quang ban hành Quyết định số 105/QĐ-UBND về việc chuyển Công ty Cấp thoát nước thành Công ty TNHH một thành viên Cấp thoát nước Tuyên Quang thuộc UBND tỉnh quản lý.

Ngày 25/07/2016, UBND tỉnh Tuyên Quang ban hành Quyết định số 1089/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Tuyên Quang.

Ngày 27/11/2017, Công ty đã tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông lần đầu, chính thức hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5000126040 ngày 01/12/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tuyên Quang cấp với vốn điều lệ 80.000.000.000 đồng.

Ngày 26/4/2018, Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tuyên Quang đã tổ chức ĐHĐCĐ bất thường, thông qua tăng thêm vốn điều lệ 9.332.000.000 đồng, nâng tổng số vốn điều lệ của Công ty lên 89.332.000.000 đồng, được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tuyên Quang cấp Giấy chứng nhận

đăng ký doanh nghiệp số 5000126040, thay đổi lần thứ 6 ngày 14/5/2018.

Ngày 03/7/2018, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành văn bản số 4110/UBCK-GSĐC chấp thuận đăng ký trở thành Công ty đại chúng cho Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tuyên Quang.

Ngày 06/11/2018, Trung tâm lưu ký chứng khoán ban hành văn bản số 94/2018/GCNCP-VSD chứng nhận Đăng ký chứng khoán cho Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tuyên Quang.

Ngày 07/6/2019, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ban hành Quyết định số 354/QĐ-SGDHN về việc chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tuyên Quang. Qua đó, ngày 14/6/2019 là ngày giao dịch đầu tiên cổ phiếu đăng ký giao dịch.

## 2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh: Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5000126040 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tuyên Quang cấp lần đầu ngày 22/04/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 03/12/2021 ngành nghề kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Khai thác, xử lý và cung cấp nước Chi tiết: Sản xuất và cung cấp nước	3600 (Chính)
2	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
3	Xây dựng nhà các loại	4100
4	Lắp đặt hệ thống điện Chi tiết: Xây dựng công trình đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp đến 35KV	43210
5	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong ngành xây dựng Chi tiết: Bán buôn vật tư, thiết bị cấp, thoát nước	46639
6	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng công trình đập, tràn	4290
7	Xây dựng công trình công ích Chi tiết: Xây dựng các công trình cấp nước, thoát nước; công trình xử lý nước sinh hoạt, nước thải dân dụng, công nghiệp; công trình kênh, mương	4220

8	Bán lẻ thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ vật tư, thiết bị cấp, thoát nước	47529
9	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - <i>Thiết kế xây dựng/công trình cấp nước – thoát nước; Thiết kế xây dựng/nhà ở; thiết kế xây dựng/công trình công cộng; - Giám sát thi công xây dựng công trình: hạ tầng, dân dụng; - Khoan, thăm dò, điều tra khảo sát, khai thác nước ngầm.</i>	7110
10	Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác Chi tiết: Dịch vụ vệ sinh công trình đô thị, công cộng	8129
11	Thu gom rác thải không độc hại	3811
12	Thu gom rác thải độc hại	3812
13	Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại	3821
14	Tái chế phế liệu	3830
15	Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại	3822
16	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan Chi tiết: Dịch vụ trồng, chăm sóc cây xanh trong đô thị	8130
17	Hoạt động dịch vụ phục vụ tang lễ	96320
18	Quản lý, bảo trì đường bộ đô thị, hành lang an toàn đường bộ và các công trình tương tự khác theo đường bộ; Quản lý, vận hành hệ thống cấp, thoát nước, đèn chiếu sáng đô thị; Quản lý, khai thác chợ; Tư vấn quản lý dự án đầu tư các công trình xây dựng cơ bản (không bao gồm tư vấn pháp luật và tư vấn tài chính).	<i>Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam</i>
19	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	71200

- Địa bàn kinh doanh: Khu vực thành phố Tuyên Quang và các huyện: Sơn Dương, Hàm Yên, Chiêm Hóa, Na Hang.

### 3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

#### 3.1. Mô hình quản trị:

- **Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ):** là cơ quan có thẩm quyền quyết định cao nhất của công ty theo Điều 16 Điều lệ công ty. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nhiệm vụ theo quy định tại Điều 17 Điều lệ công ty.

- **Hội đồng quản trị:** Là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định và thực hiện các quyền, lợi ích hợp pháp của Công ty trừ những trường hợp thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

- **Ban Kiểm soát:** Thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước HĐQT trong thực hiện các nhiệm vụ được giao.

- **Ban Giám đốc:** Điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

### 3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý:

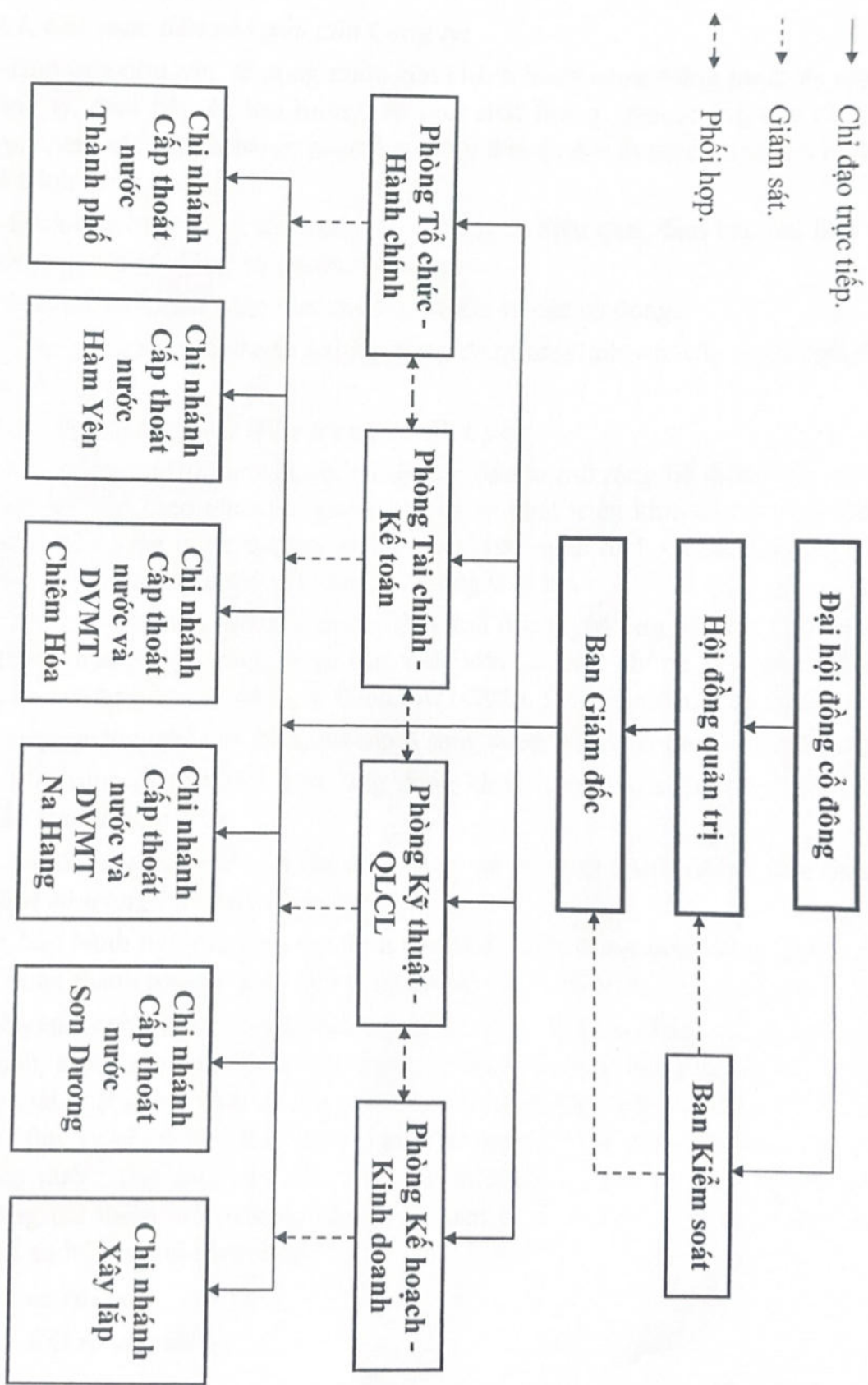
Công ty có 04 phòng chuyên môn và 06 Chi nhánh trực thuộc đóng trên địa bàn các huyện, thành phố.

Danh sách các phòng chuyên môn và các Chi nhánh trực thuộc:

TT	Tên phòng/Chi nhánh	Địa chỉ
<b>Các phòng chuyên môn: 04 phòng.</b>		
1	Phòng Tổ chức - Hành chính	Trụ sở Công ty: Số 103, đường Tôn Đức Thắng, tổ 09, phường Hưng Thành, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang
2	Phòng Kỹ thuật - Quản lý chất lượng	
3	Phòng Tài chính - Kế toán	
4	Phòng Kế hoạch - Kinh doanh	
<b>Các Chi nhánh trực thuộc: 06 Chi nhánh.</b>		
1	Chi nhánh Cấp thoát nước Thành phố	Số 103, đường Tôn Đức Thắng, tổ 09, phường Hưng Thành, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang
2	Chi nhánh Xây lắp	
3	Chi nhánh Cấp thoát nước Hàm Yên	Thị trấn Tân Yên, huyện Hàm Yên
4	Chi nhánh Cấp thoát nước và DVMT Chiêm Hóa	Thị trấn Vĩnh Lộc, huyện Chiêm Hóa
5	Chi nhánh Cấp thoát nước và DVMT Na Hang	Thị trấn Na Hang, huyện Na Hang
6	Chi nhánh Cấp thoát nước Sơn Dương	Thị trấn Sơn Dương, huyện Sơn Dương

3.3. Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

### SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC TUYẾN QUANG



#### **4. Định hướng phát triển:**

##### **4.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:**

- Đáp ứng nhu cầu sử dụng nước của khách hàng trong vùng phục vụ cấp nước của công ty, đảm bảo về lưu lượng, áp lực, chất lượng nước; nâng cao chất lượng dịch vụ, chăm sóc khách hàng; phấn đấu giảm dần tỷ lệ thất thoát, thất thu nước sạch theo lộ trình hằng năm.

- Đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả; đảm bảo hài hòa lợi ích giữa công ty, các cổ đông và người lao động.

- Bảo toàn và phát triển vốn của Nhà nước và các cổ đông.

- Tiếp tục duy trì là doanh nghiệp đứng đầu trong lĩnh vực cấp nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

##### **4.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn:**

- Giữ vững thị trường cấp nước hiện có; đầu tư mở rộng hệ thống cấp nước đến các vùng lân cận theo nhu cầu, phù hợp với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; phấn đấu sản lượng nước thương phẩm tăng bình quân từ 1 - 2%/năm; đầu tư nâng công suất các trạm cấp nước theo nhu cầu từng thời kỳ.

- Tập trung nguồn lực để cải tạo, thay thế các tuyến ống cũ trong hệ thống cấp nước theo “Phương án điều hành sản xuất kinh doanh, chống thất thoát, thất thu, giảm tiêu hao nguyên vật liệu giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030”.

- Tiếp tục thay thế dần đồng hồ cấp A sang đồng hồ cấp B theo lộ trình hằng năm.

- Tập trung đầu tư, đổi mới, ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến vào hoạt động sản xuất kinh doanh.

##### **4.3. Các mục tiêu phát triển bền vững và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty:**

- Chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật trong hoạt động sản xuất kinh doanh, hoàn thành tốt nghĩa vụ của công ty đối với Nhà nước.

- Ngành nghề kinh doanh chính của công ty là khai thác, xử lý và cung cấp nước sạch, một sản phẩm thiết yếu cho nhu cầu sinh hoạt hằng ngày của người dân, do đó ngoài hoạt động kinh doanh, công ty còn phải đảm bảo vai trò phục vụ an sinh xã hội. Công ty sẽ nỗ lực để nâng cao chất lượng dịch vụ, phục vụ khách hàng trong vùng cấp nước; đáp ứng nhu cầu sử dụng nước sạch, góp phần cùng các cơ quan chức năng cải thiện môi trường sống và chăm lo sức khỏe của người dân, ổn định tình hình xã hội trên địa bàn tỉnh.

#### **5. Các rủi ro:**

##### **5.1. Rủi ro về môi trường:**

- Trong những năm vừa qua, do yếu tố biến đổi khí hậu, hạn hán kéo dài, dẫn đến nguồn nước tại các giếng khoan dần cạn kiệt, lưu lượng nước khai thác giảm mạnh.

- Một số công trình cầu, đường đang thi công, phải khoan xuống các tầng địa chất để đổ bê tông cọc nhồi, do khoảng cách từ điểm khoan đến các trạm bơm nước ngầm khá gần nên phần nào cũng làm ảnh hưởng đến địa chất thùy văn, chất lượng nước thô cũng sẽ bị biến đổi theo chiều hướng xấu (lưu lượng nước giảm, độ đục tăng, kết cấu giếng bị ảnh hưởng không tốt...).

### 5.2. *Rủi ro về dịch bệnh:*

Đại dịch COVID-19 đã ảnh hưởng toàn diện, sâu rộng đến nền kinh tế của cả nước nói chung và của công ty nói riêng, ảnh hưởng nghiêm trọng đến tất cả các lĩnh vực kinh tế - xã hội. Các chỉ tiêu về SXKD như sản lượng nước tiêu thụ, doanh thu, lợi nhuận của công ty cũng bị ảnh hưởng đáng kể.

### 5.3. *Rủi ro đặc thù:*

a) *Rủi ro thất thu, thất thoát:* Với tốc độ đô thị hóa cao, một số hệ thống đường ống đầu tư đã lâu, việc thi công các công trình ngầm không đồng bộ dễ dẫn đến gãy vỡ đường ống cấp nước, tình trạng gian lận nước sạch không qua đồng hồ đo đếm do ý thức của người dân là không tránh khỏi, dẫn đến tình trạng thất thu, thất thoát.

#### b) *Rủi ro đầu vào sản xuất:*

- Rủi ro về cạn kiệt nguồn nước: Là tỉnh miền núi, nguồn nước thô phụ thuộc vào sự ổn định trữ lượng nguồn nước và chất lượng nước, hiện nay nguồn nước ngày càng cạn kiệt do tác động môi trường;

- Chi phí điện năng chiếm tỷ trọng đáng kể trong giá thành, giá điện có xu hướng ngày càng tăng; việc nhà nước bổ sung một số chi phí như việc cấp phép khai thác tài nguyên, lương tối thiểu vùng tăng làm ảnh hưởng đến hiệu quả SXKD.

### 5.4. *Rủi ro khác:*

Các rủi ro khác nằm ngoài dự đoán và vượt quá khả năng phòng chống của con người, như: thiên tai, lũ lụt, hỏa hoạn, dịch họa, ... là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty.

## II. *Tình hình hoạt động trong năm 2022:*

### 1. *Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:*

#### a. *Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:*

*Biểu 01a.* Báo cáo kết quả hoạt động SXKD từ 01/01/2022 đến 31/12/2022:

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		64.437.086.959	66.521.052.098
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			



3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		64.437.086.959	66.521.052.098
4. Giá vốn hàng bán	11		47.037.972.274	48.354.333.050
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		17.399.114.685	18.166.719.048
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		118.429.554	106.364.672
7. Chi phí tài chính	22		658.608.500	783.551.758
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		658.608.500	783.551.758
8. Chi phí bán hàng	25		5.015.702.072	5.331.232.692
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		9.457.758.972	8.231.532.618
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		2.385.474.695	3.926.766.652
11. Thu nhập khác	31		3.481.401.981	547.526.609
12. Chi phí khác	32		1.468.070.161	526.222.212
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		2.013.331.820	21.304.397
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		4.398.806.515	3.948.071.049
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		1.038.410.503	789.919.628
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		3.360.396.012	3.158.151.421
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		376	350

**b. Tình hình thực hiện so với kế hoạch của một số chỉ tiêu chính:**

*Biểu 01b.* Kết quả một số chỉ tiêu và so sánh chi tiết năm 2022.

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện năm 2022	Tỉ lệ % (TH/KH)
<b>I</b>	<b>Sản xuất kinh doanh:</b>				
1	Sản phẩm chủ yếu: Nước máy tiêu thụ	m <sup>3</sup>	7.850.000	7.894.247	100,6
2	Tổng doanh thu	Triệu đồng	64.291,0	68.036,9	105,8
3	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	2.127,0	3.360,4	158,0
4	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn nhà nước	%	2,38	5,48	+3,10

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện năm 2022	Tỉ lệ % (TH/KH)
<b>II</b>	<b>Các khoản phải nộp:</b>				
1	Thuế và các khoản nộp ngân sách nhà nước	Triệu đồng	10.500,0	12.889,9	122,8%
2	Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	Triệu đồng	5.604,8	5.437,8	97,0%

Năm 2022 nền kinh tế toàn cầu đang trong quá trình phục hồi, nhưng vẫn tiếp tục chịu sự tác động của đại dịch Covid-19 kéo dài, làm cho nhiều doanh nghiệp phải ngừng hoạt động SXKD, phá sản trong đó các doanh nghiệp trong ngành nước cũng bị ảnh hưởng nặng nề. Nhưng với sự nỗ lực, cố gắng của Ban lãnh đạo và tập thể người lao động trong công ty, tình hình SXKD của công ty vẫn duy trì ổn định, có tăng trưởng; hầu hết đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch được giao. Cụ thể:

- Sản lượng nước tiêu thụ đạt 7.894.247m<sup>3</sup>, vượt 0,6% so với kế hoạch (tương ứng với 369,17m<sup>3</sup>).
- Tổng doanh thu đạt 68.036,9 triệu đồng, vượt 5,8% so với kế hoạch.
- Lợi nhuận thực hiện (sau thuế) đạt 3.360,4 triệu đồng, vượt kế hoạch đề ra.
- Đảm bảo việc làm ổn định cho 247 lao động; tiền lương, thu nhập bình quân đạt mức khá so với các doanh nghiệp trong tỉnh (đạt 8.990.310 đồng/người/tháng); đóng nộp đầy đủ Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp.

## 2. Tổ chức và nhân sự:

### *Biểu 02. Danh sách Ban điều hành:*

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Lê Văn Hoàn	Giám đốc công ty.
2	Đình Tiến Dũng	Phó Giám đốc công ty.
3	Trần Thị Khánh	Kế toán trưởng

## \* Ông: Lê Văn Hoàn - Thành viên HĐQT, Giám đốc công ty.

Họ và tên	: Lê Văn Hoàn.
Giới tính	: Nam.
Ngày tháng năm sinh	: 17/4/1972.
Quốc tịch	: Việt Nam.
Địa chỉ thường trú	: Tổ 8, phường Tân Quang, TP. Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.
Căn cước công dân	: 026072015153, cấp ngày 14/9/2021 tại Cục CSQLHC về TTXH
Trình độ chuyên môn	: Kỹ sư xây dựng.
Chức vụ hiện nay	: Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc công ty.
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	: Không có.
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Từ 01/1991 đến 4/1993: Công nhân Xí nghiệp Công nông nghiệp chè Tuyên Quang.</li> <li>- Từ 5/1993 – 02/2006: Công nhân Đội Sản xuất Công nghiệp Công ty Cấp thoát nước Tuyên Quang.</li> <li>- Từ 3/2006 – 12/2007: Cán bộ kỹ thuật phòng Kế hoạch kỹ thuật Công ty Cấp thoát nước Tuyên Quang.</li> <li>- Từ 01/2008 – 06/2012: Đội phó Đội Sản xuất Công nghiệp Công ty Cấp thoát nước Tuyên Quang.</li> <li>- Từ 7/2012 – 11/2017: Giám đốc Xí nghiệp Cấp nước thành phố Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Tuyên Quang.</li> <li>- Từ 12/2017 – 31/8/2019: Thành viên HĐQT - Giám đốc Chi Nhánh Cấp thoát nước thành phố Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tuyên Quang.</li> <li>- 01/9/2019 – 31/1/2021 : Thành viên HĐQT - Phó Giám đốc công ty kiêm Giám đốc Chi Nhánh Cấp thoát nước thành phố thuộc Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tuyên Quang.</li> <li>- Từ 01/02/2021 đến nay: Thành viên HĐQT - Giám đốc công ty.</li> </ul>
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ	: 47.500 cổ phần – chiếm 0,53% vốn điều lệ.
Trong đó:	
- Sở hữu cá nhân	: 47.500 cổ phần – chiếm 0,53% vốn điều lệ.
- Được ủy quyền đại diện	: 0 cổ phần .
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan	: Không có.
Các khoản nợ đối với Công ty	: Không có.
Lợi ích liên quan đối với Công ty	: Không có.

## \* Ông: Đinh Tiến Dũng - Phó Giám đốc công ty.

Họ và tên	: Đinh Tiến Dũng.
Giới tính	: Nam.
Ngày tháng năm sinh	: 10/7/1971.
Quốc tịch	: Việt Nam.
Địa chỉ thường trú	: Tổ 8, phường Phan Thiết, TP. Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.
Căn cước công dân	: 008071011147, cấp ngày 24/6/2021 tại Cục CSQLHC về TTXH
Trình độ chuyên môn	: Kỹ sư điện khí hóa
Chức vụ hiện nay	: Phó Giám đốc công ty.
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	: Không có.
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Từ 01/1989 đến 9/1990: Công nhân đội xây dựng cơ bản Công ty Cấp thoát nước Tuyên Quang.</li> <li>- Từ 10/1990 đến 12/1992: Học tại trường công nhân cơ giới số 1 Việt - Xô thị trấn Xuân Hòa, huyện Mê Linh, tỉnh Vĩnh Phúc.</li> <li>- Từ 01/1993 đến 12/1999: Nghi tự túc ở nhà tại tổ 16, phường Phan Thiết, thành phố Tuyên Quang.</li> <li>- Từ 01/2000 đến 01/2005: Học tại trường đại học Kỹ thuật công nghiệp Thái Nguyên.</li> <li>- Từ 02/2005 đến 03/2010: Nhân viên phòng Kế hoạch - Kỹ thuật Công ty Cấp thoát nước Tuyên Quang.</li> <li>- Từ 04/2010 đến 11/2011: Phó trưởng phòng Kế hoạch - Kỹ thuật Công ty TNHH một thành viên Cấp thoát nước Tuyên Quang.</li> <li>- Từ 12/2011 đến 01/9/2019: Trưởng phòng Kế hoạch - Kỹ thuật Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tuyên Quang.</li> <li>- Từ 01/9/2019 đến nay: Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tuyên Quang</li> </ul>
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ	: 6.600 cổ phần – chiếm 0,074% vốn điều lệ.
Trong đó:	
- Sở hữu cá nhân	: 6.600 cổ phần – chiếm 0,074% vốn điều lệ.
- Được ủy quyền đại diện	: 0 cổ phần .
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan	: Không có.
Các khoản nợ đối với Công ty	: Không có.
Lợi ích liên quan đối với Công ty	: Không có.

## \* Bà: Trần Thị Khánh - Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng Công ty.

Họ và tên	: Trần Thị Khánh.
Giới tính	: Nữ.
Ngày tháng năm sinh	: 20/06/1981.
Quốc tịch	: Việt Nam.
Địa chỉ thường trú	: Số nhà 70, tổ 12, phường Tân Quang, TP. Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang
Căn cước công dân	: 008181001976, cấp ngày 23/04/2021 tại Cục CSQLHC về TTXH
Trình độ chuyên môn	: Cử nhân kinh tế.
Chức vụ hiện nay	: Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng công ty.
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	: Không có.
Quá trình công tác	- Từ 5/2003-6/2010: Nhân viên kế toán – Công ty cấp thoát nước Tuyên Quang. - Từ 7/2010 – 11/2017: Phó phòng kế toán tài vụ - Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Tuyên Quang. - Từ 12/2017 – nay: Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tuyên Quang.
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ. Trong đó:	: 46.300 cổ phần – chiếm 0,52% vốn điều lệ.
- Sở hữu cá nhân	: 46.300 cổ phần – chiếm 0,52% vốn điều lệ.
- Được ủy quyền đại diện	: 0 cổ phần .
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan	: Không có.
Các khoản nợ đối với công ty	: Không có.
Lợi ích liên quan đối với Công ty	: Không có.

- Những thay đổi trong Ban điều hành năm 2022: (Không có).

- Số lượng cán bộ, nhân viên: (tính đến thời điểm 31/12/2022):

Vị trí công việc		ĐVT	Số lao động
1	Lao động quản lý	Người	04
2	Lao động chuyên môn nghiệp vụ		51
3	Lao động trực tiếp SXKD		186
4	Lao động thừa hành, phục vụ		06
<b>Tổng cộng</b>			<b>247</b>

- Chính sách đối với người lao động:

+ Quỹ tiền lương: Tiền lương chi trả cho người lao động căn cứ theo quy định hiện hành của Nhà nước và Quy chế trả lương cho người lao động đã được Hội đồng quản trị phê duyệt.

+ Tiền thưởng được chi trả cho người lao động căn cứ Quy chế Thi đua - Khen thưởng, căn cứ kết quả đánh giá, xếp loại thông qua các đợt phát động thi đua.

- Chế độ tiền lương, thưởng do Giám đốc công ty đề xuất được Hội đồng quản trị phê duyệt.

- Thực hiện đóng nộp đầy đủ chế độ bảo hiểm, trang bị bảo hộ lao động và khám sức khỏe định kỳ hằng năm cho người lao động theo quy định của pháp luật.

### 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

#### 3.1. Các khoản đầu tư lớn:

Trong năm 2022, công ty chủ yếu đầu tư cải tạo, sửa chữa các tuyến ống để phục vụ công tác chống thất thoát; tổ chức thực hiện thay thế các tuyến ống cũ theo đúng “Phương án điều hành SXKD, chống thất thoát, thất thu và giảm tiêu hao nguyên vật liệu” đã được HĐQT phê duyệt với tổng giá trị đầu tư thay thế là trên 2,158 tỷ đồng.

3.2. Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

### 4. Tình hình tài chính:

#### 4.1. Biểu 03. Tình hình tài chính và so sánh:

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2021	So sánh (%)
(1)	(2)	(3)	(4=2/3)%
Tổng giá trị tài sản	129.657.059.283	133.559.662.017	Giảm 2,9%
Doanh thu thuần	64.437.086.959	66.521.052.098	Giảm 3,1%
Lợi nhuận trước thuế	4.398.806.515	3.948.071.049	Tăng 11,4%
Lợi nhuận sau thuế	3.360.396.012	3.158.151.421	Tăng 6,4%
Tỷ lệ chi trả cổ tức (dự kiến)	3,6%	3,5%	Tăng 0,1%

4.2. **Biểu 4. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu và so sánh:**

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2022	Năm 2021	Ghi chú
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán:</b>				
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	Lần	1,24	1,22	
+ Hệ số thanh toán nhanh: (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	Lần	0,81	0,83	
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn:</b>				
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,29	0,31	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,41	0,46	
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động:</b>				
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	Vòng	5,80	6,42	
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	0,50	0,5	
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời:</b>				
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	5,22	4,75	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	3,76	3,53	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	2,59	2,36	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	3,70	5,90	

**5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.**

**5.1. Cổ phần:**

- Tên chứng khoán: Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tuyên Quang.
- Mã chứng khoán: TQW.
- Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông.
- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần.
- Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 8.933.200 cổ phiếu. Trong đó:
  - + Số lượng cổ phiếu chuyển nhượng tự do: 2.157.000 cổ phiếu (chiếm 24,15% CK đăng ký).
  - + Số lượng cổ phiếu chuyển nhượng có điều kiện (hạn chế chuyển nhượng): 6.776.200 cổ phiếu (chiếm 75,85% CK đăng ký).

**5.2. Cơ cấu cổ đông:**

Cổ đông nắm giữ từ 05% trở lên:

TT	Cổ đông	Số CCCD/Hộ chiếu/ĐKDN	Địa chỉ	CP phổ thông	Tỷ lệ sở hữu %/ VDL
1	UBND tỉnh Tuyên Quang		Đường Đại lộ Tân Trào, phường Minh Xuân, TP. Tuyên Quang	6.133.200	68,66
2	Hoàng Quang Huy	008093009718	SN 166, đường Chiến Thắng Sông Lô, Tổ 2, phường Tân Quang, TP.Tuyên Quang	814.400	9,12
3	Nguyễn Hữu Tuấn	008094000009	Số D5d lô D5 KĐG 18,6ha, P.Phú Thượng, quận Tây Hồ, Hà Nội	814.400	9,12
<b>Tổng cộng</b>				<b>7.762.000</b>	<b>86,9</b>

**Biểu 5. Cơ cấu cổ đông Công ty tính đến ngày 31/12/2022:**

STT	Họ và tên	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ % trên vốn điều lệ thực góp
<b>I</b>	<b>Cổ đông trong nước</b>	<b>325</b>	<b>8.933.200</b>	<b>100%</b>
	Tổ chức	1	6.133.200	68,66%
	Cá nhân	324	2.800.000	31,34%
<b>II</b>	<b>Cổ đông nước ngoài</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
	Tổ chức	0	0	0
	Cá nhân	0	0	0
<b>III</b>	<b>Cổ phiếu quỹ</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>Tổng cộng</b>		<b>325</b>	<b>8.933.200</b>	<b>100%</b>

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không thay đổi.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có.

e) Các chứng khoán khác: Không có.



6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty.

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm.

**Biểu 6. Nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất trong năm:**

TT	Nguyên vật liệu	Đơn vị	Số lượng sử dụng	Ghi chú
1	Hóa chất đo nồng độ Clo dư	Tép	2.700	
2	Thuốc thử Sắt	Tép	300	
3	Phèn Đơn Nghiền	Kg	1.952	
4	Phèn PAC (Việt Nam)	Kg	18.786	
5	Hóa chất trợ keo tụ PAM	Kg	142	
6	Javen 12%	Kg	40.398,5	

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức. (Không có).

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp.

**Biểu 7. Năng lượng điện tiêu thụ bình quân để sản xuất trong năm:**

Đơn vị sử dụng	Sản lượng (Kwh)	Ghi chú
1. Chi nhánh Cấp thoát nước Thành phố	2.936.732	
2. Chi nhánh Cấp thoát nước Hàm Yên	336.609	
3. Chi nhánh CTN và DVMT Chiêm Hóa	205.449	
4. Chi nhánh CTN và DVMT Na Hang	0	
5. Chi nhánh Cấp thoát nước Sơn Dương	199.610	
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.678.400</b>	

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: (Không có).

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này: (Không có).

### 6.3. Tiêu thụ nước:

- a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: (Không có).  
 b) Tỷ lệ phân trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: (Không có).

### 6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

- a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: (Không có).  
 b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: (Không có).

### 6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

- a) Số lượng lao động, mức thu nhập bình quân của người lao động năm 2022.

Tổng số LĐ	Lao động nữ	Lao động nam	Mức thu nhập bình quân
247	82	165	8,9 triệu đồng/người/tháng

- b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.

Để đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động, công ty xây dựng các quy định thể hiện trong nội quy, quy chế, thỏa ước lao động tập thể. Mỗi năm tổ chức 01 đợt khám sức khỏe định kỳ cho người lao động, thực hiện chi trả chế độ ăn giữa ca; trang bị đầy đủ bảo hộ lao động. Giải quyết đầy đủ chế độ ốm đau, thai sản, nghỉ lễ, phép, trợ cấp khó khăn, thăm hỏi hiếu, hi. Đặc biệt quan tâm lao động nữ, bố trí công việc phù hợp.

- c) Hoạt động đào tạo người lao động: Tổ chức huấn luyện ATVSLĐ, An toàn hóa chất; huấn luyện “Kỹ năng giao tiếp, chăm sóc khách hàng” cho người lao động ít nhất 01 lần/năm cho người lao động trong công ty.

### 6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

Công ty đã phối hợp với Đoàn phường Hưng Thành - đơn vị kết nghĩa với Đoàn cơ sở Công ty trong việc tặng quà các gia đình có hoàn cảnh khó khăn, gia đình chính sách vào ngày 27/7 và ngày Tết thiếu nhi 01/6 trên địa bàn phường Hưng Thành. Tích cực ủng hộ bằng tiền mặt các hoạt động xã hội trên địa bàn phường Hưng Thành, khu vực thành phố, tài trợ các trường học. Tổng số tiền ủng hộ, quyên góp trong năm 2022 đạt trên 70 triệu đồng.

- 6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: (Không có)

### III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc.

#### 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

##### 1.1. Phân tích tổng quan:

Năm 2022, Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tuyên Quang đã có những bước chuyển mình rõ rệt. Tuy còn nhiều khó khăn, nhưng với sự quyết liệt chỉ đạo của HĐQT, sự nỗ lực điều hành của Ban giám đốc cùng với sự đoàn kết, nhất trí cao của toàn thể cán bộ, công nhân viên, công ty đã khắc phục mọi khó khăn, tình hình SXKD của công ty vẫn duy trì ổn định, có tăng trưởng.

Trên cơ sở số liệu báo cáo tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công như đã tóm tắt và phân tích ở **Biểu 01b** có thể nhận thấy công ty đã hoàn thành vượt mức hầu hết các chỉ tiêu so với kế hoạch đã đề ra và cao hơn so với cùng kỳ năm 2021, duy nhất chỉ tiêu Tỷ lệ thất thoát không hoàn thành kế hoạch (Tỷ lệ thất thoát đạt 24,3%, tăng 2,3% so với kế hoạch). Một số nguyên nhân dẫn đến chỉ tiêu Tỷ lệ thất thoát không hoàn thành kế hoạch:

##### *Nguyên nhân khách quan:*

- Hệ thống truyền tải, phân phối nước do công ty quản lý khoảng 608 km trên địa bàn toàn tỉnh, trong đó các tuyến ống thép đang sử dụng chiếm khoảng 25,3%, do đã sử dụng lâu nên rất hay bục vỡ, rò rỉ, đặc biệt là khu vực Thành phố.

- Cơ sở hạ tầng đô thị chưa được quy hoạch đồng bộ, vẫn đang trong giai đoạn xây dựng, mở rộng; nhiều tuyến ống cũ còn nằm trong lòng đường nhựa, đường bê tông nên việc xử lý bục vỡ còn gặp nhiều khó khăn.

##### *Nguyên nhân chủ quan:*

- Chưa chặt chẽ trong quản lý mạng lưới cấp nước, khắc phục bục vỡ trên tuyến có lúc chưa xử lý kịp thời.

- Sự phối hợp giữa các phòng, Chi nhánh trong công tác chống thất thoát nước còn hạn chế.

- Việc thực hiện phương án cải tạo thay thế các tuyến ống tại khu vực thành phố chưa nhiều nên tỷ lệ thất thoát khu vực Thành phố còn ở mức cao so kế hoạch.

##### 1.2. Những kết quả công ty đã đạt được:

a) **Lĩnh vực sản xuất và quản lý chất lượng nước:** Hoạt động sản xuất ổn định. Cấp nước an toàn, chất lượng nước đảm bảo quy định của Bộ y tế. Chất lượng nước được giám sát bởi Trung tâm y tế dự phòng tỉnh Tuyên Quang.

##### b) **Lĩnh vực kinh doanh, tiêu thụ:**

- Tiếp tục thực hiện công tác chống thất thoát thông qua việc thay thế các tuyến ống thép cũ, ống HDPE chất lượng kém có hiện tượng rò rỉ, gây thất thoát nguồn nước, nâng cấp mở rộng các tuyến ống truyền tải bằng ống HDPE.

- Coi công tác chống thất thu là nhiệm vụ thường xuyên, liên tục thông qua việc thực hiện rà soát, kiểm tra xác định mục đích sử dụng nước của khách hàng, nhằm phát hiện sai sót, thay đổi để điều chỉnh kịp thời, áp giá đúng đối tượng, đúng mục đích sử dụng, góp phần tăng doanh thu, nâng cao hiệu quả công tác quản lý của Ban giám đốc.

- Tiếp tục áp dụng có hiệu quả một số phần mềm khoa học công nghệ vào sản xuất kinh doanh như: Phần mềm quản lý khách hàng; Đọc chỉ số đồng hồ qua các thiết bị di động; Phần mềm Hóa đơn điện tử; Thanh toán tiền lương qua tài khoản cá nhân; Dịch vụ thanh toán hoá đơn tiền nước không dùng tiền mặt qua các ngân hàng thương mại trên địa bàn toàn tỉnh.

***c) Lĩnh vực đầu tư xây dựng, mở rộng mạng lưới cấp nước, kiểm định, thay thế đồng hồ:***

Năm 2022, công ty đã chú trọng đến việc mở rộng thị trường, mở rộng mạng lưới cấp nước trong toàn tỉnh tại tất cả các chi nhánh trực thuộc; thực hiện tốt công tác kiểm định chất lượng đồng hồ đo lưu lượng nước lắp đặt tại nhà khách hàng; thường xuyên chỉ đạo, kiểm tra, giám sát các Chi nhánh trực thuộc trong việc tổ chức thi công một số công trình cải tạo, sửa chữa, mở rộng mạng lưới cấp nước.

- Doanh thu từ xây dựng cơ bản và mở rộng mạng lưới cấp nước năm 2022 là: 3.428,414 triệu đồng (tăng 1.249,614 triệu đồng), đạt 157,4% so với kế hoạch năm.

- Trong năm đã mở rộng mạng lưới cấp nước phát triển thêm khách hàng tại khu vực thành phố Tuyên Quang và các vùng lân cận. Toàn công ty có tổng số khách hàng lắp đặt phát sinh mới là: 1.110 hộ sử dụng nước đạt 90,7% so với kế hoạch; số hộ xin đấu nối lại 280 hộ; số hộ cắt nước trong năm 970 hộ.

- Công tác kiểm định đồng hồ được thực hiện thường xuyên đúng với các quy định hiện hành của Nhà nước. Trong năm 2022, bộ phận kiểm định đã tiến hành kiểm định được 18.838 cái đồng hồ, số đồng hồ không đạt phải thay 3.930 cái.

- Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc tiếp tục thực hiện thay thế đồng hồ 8 kim Trung Quốc (cấp A) sang đồng hồ Mutimag - hãng Itron của Pháp (cấp B) theo đúng kế hoạch của Hội đồng quản trị. Trong năm 2022, công ty tiếp tục lắp đặt, chuyển đổi đồng hồ cấp A lên đồng hồ cấp B tại phường An Tường: 2.723 đồng hồ; phường Ý La: 1.788 đồng hồ; Phường Nông Tiến 2.366 đồng hồ. Tính đến hết năm 2022, toàn công ty đã thay thế theo lộ trình được tổng 22.542 đồng hồ, đảm bảo đúng kế hoạch đã được HĐQT phê duyệt.

- Quyết liệt chỉ đạo các đơn vị trực thuộc thực hiện có hiệu quả “Phương án điều hành SXKD, chống thất thoát, thất thu và giảm tiêu hao nguyên vật liệu” đã được HĐQT phê duyệt; tăng cường thay thế các tuyến ống cũ theo đúng Kế hoạch đề ra với tổng giá trị đầu tư thay thế là trên 2.158.804 triệu đồng. Công tác lắp đặt đồng hồ Block đã đạt được những kết quả nhất định, toàn công ty đã triển khai lắp đặt

được 94 đồng hồ Block gồm các đồng hồ từ D25 đến D100, liên tục cập nhật, theo dõi chi số đồng hồ, từ đó đề ra định hướng cụ thể trong công tác chống thất thoát. Qua đó, một số Chi nhánh đã đạt được những kết quả nhất định, tỷ lệ thất thoát, định mức điện đã giảm, điển hình là Chi nhánh Hàm Yên, Chi nhánh Sơn Dương và Chi nhánh Chiêm Hóa.

#### **d) Công tác quản trị:**

- Thường xuyên rà soát, sửa đổi bổ sung hệ thống văn bản quản trị nội bộ trên cơ sở văn bản pháp luật hiện hành có liên quan, gắn với tình hình thực tiễn nhằm quản lý chặt chẽ trong công tác tài chính; phân công nhiệm vụ rõ ràng. Trên cơ sở đó, mỗi bộ phận, cá nhân người lao động đã nâng cao được ý thức, trách nhiệm. Trong năm 2022, xây dựng và ban hành Quy chế đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành công việc; Quy chế quản lý tài chính của công ty đảm bảo phù hợp với Điều lệ, các quy chế nội bộ của công ty và quy định của pháp luật hiện hành.

- Từng bước nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thông qua công tác đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng cho người lao động cả về trình độ chuyên môn và lý luận chính trị; đề cao trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh của công ty.

## **2. Tình hình tài chính:**

	Tài sản/Nguồn vốn	Số cuối năm	Số đầu năm	So sánh
<b>A</b>	<b>Tài sản ngắn hạn</b>	<b>25.127.522.641</b>	<b>23.753.408.612</b>	<b>105,8%</b>
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	10.203.778.614	8.791.093.645	116,1%
II	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	2.037.304.110	3.000.000.000	67,9%
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	3.497.530.350	4.392.446.566	79,6%
IV	Hàng tồn kho	8.688.363.915	7.542.597.567	115,2%
V	Tài sản ngắn hạn khác	700.545.652	27.270.834	2568,8%
<b>B</b>	<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>104.529.536.642</b>	<b>109.806.253.405</b>	<b>95,2%</b>
I	Các khoản phải thu dài hạn	4.000.000	4.000.000	100,0%
II	Tài sản cố định	97.408.230.896	101.851.680.879	95,6%
III	Bất động sản đầu tư		-	
IV	Tài sản dở dang dài hạn	4.827.062.425	5.648.234.475	85,5%
V	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		-	
VI	Tài sản dài hạn khác	2.290.243.321	2.302.338.051	99,5%
<b>(*)</b>	<b>Tổng cộng tài sản (A+B)</b>	<b>129.657.059.283</b>	<b>133.559.662.017</b>	<b>97,1%</b>
<b>C</b>	<b>Nợ phải trả</b>	<b>36.964.663.271</b>	<b>41.069.510.596</b>	<b>90,0%</b>
I	Nợ ngắn hạn	20.217.996.390	19.443.095.209	104,0%

II	Nợ dài hạn	16.746.666.881	21.626.415.387	77,4%
<b>D</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>92.692.396.012</b>	<b>92.490.151.421</b>	<b>100,2%</b>
I	Vốn góp của chủ sở hữu	89.332.000.000	89.332.000.000	100,0%
II	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	3.360.396.012	3.158.151.421	106,4%
(**)	<b>Tổng cộng nguồn vốn (C+D)</b>	<b>129.657.059.283</b>	<b>133.559.662.017</b>	<b>97,1%</b>

### 3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.

- Với kết quả được trình bày ở trên cho thấy hầu hết các chỉ tiêu hoàn thành vượt mức các kế hoạch đề ra, đặc biệt là chỉ tiêu về doanh thu và lợi nhuận. Qua đó cho thấy HĐQT và Ban giám đốc có định hướng đúng đắn trong chiến lược SXKD, mang lại hiệu quả, có tình hình tài chính lành mạnh.

- Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, tay nghề, áp dụng công nghệ trong SXKD và công tác điều hành, tuân thủ các nguyên tắc cơ bản, linh hoạt trong quá trình thực hiện, xác định rõ trách nhiệm đối với tập thể, cá nhân như: Công tác điều hành quản trị công ty luôn được cập nhật, điều chỉnh, sửa đổi bổ sung các quy chế, quy định quản trị nội bộ doanh nghiệp phù hợp với văn bản pháp luật hiện hành và thực tiễn của công ty; Rà soát cải tiến chính sách tiền lương, tiền thưởng của người lao động.

- Trong năm vừa qua, dưới sự chỉ đạo của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc đã kiện toàn, phân công nhiệm vụ trong Ban Giám đốc để điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh mang lại hiệu quả cao nhất; Tổ chức, sắp xếp lại các phòng và bố trí nhân sự để phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn hiện nay.

### 4. Kế hoạch phát triển trong tương lai.

#### *Về sản xuất kinh doanh:*

- Xây dựng kế hoạch phát triển trung hạn, dài hạn, phấn đấu hoàn thành mục tiêu, kế hoạch và nghị quyết của ĐHĐCĐ đề ra, với sản lượng nước máy khai thác và tiêu thụ dự kiến đạt mức tăng trưởng bình quân khoảng 1-2%/năm, doanh thu tăng trưởng bình quân 2-3%/năm. Để đạt được điều này, ngoài việc tăng sản lượng bằng các biện pháp kỹ thuật, Công ty còn phải tập trung vào việc giảm tỷ lệ thất thoát hiện nay từ 24,3% xuống mức 22% trong các năm tới bằng các biện pháp cụ thể, đặc biệt là phấn đấu tổ chức thực hiện có hiệu quả Phương án điều hành sản xuất kinh doanh, chống thất thoát, thất thu, giảm tiêu hao nguyên vật liệu giai đoạn 2021-2025.

- Duy trì ổn định và phát triển mạng lưới cung cấp nước cũng như thị trường tiêu thụ nước của Công ty; đổi mới, nâng cao kỹ năng quản lý; cải tiến dây truyền sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ, để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của khách hàng. Tạo môi trường làm việc thân thiện, năng động và hiệu quả trên nền tảng văn hoá công ty là: trung thực, đoàn kết và cầu thị.

**Về quản lý tài chính:** Tiếp tục hoàn thiện năng lực quản lý tài chính Công ty, quản lý các nguồn đầu tư, sử dụng các công cụ phân tích, dự báo phục vụ cho công tác hoạch định kinh doanh, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

**Về tổ chức bộ máy hoạt động:** Tiếp tục ổn định cơ cấu bộ máy tổ chức hoạt động phù hợp với tốc độ phát triển, xây dựng đội ngũ cán bộ công nhân viên đoàn kết, thống nhất, tận tâm vì mục tiêu phát triển chung của Công ty.

**5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:** (Không có).

**6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty:**

**6.1. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường:**

- Trách nhiệm đối với môi trường được Công ty xác định là một trong những tiêu chí về phát triển bền vững và là vấn đề quan trọng cấp bách hiện nay. Với ngành nghề kinh doanh chính là sản xuất và cung cấp nước sạch, sản phẩm tiêu thụ liên quan trực tiếp đến sức khỏe của người dân, do đó Công ty quan tâm hàng đầu đến chất lượng nước, đảm bảo đúng theo quy định của Bộ Y tế; Công ty tiếp tục áp dụng công nghệ sạch như: Sử dụng chủng loại vật tư đường ống, phụ kiện phù hợp, bền vững ít bị tác động của môi trường. Tăng cường công tác tuyên truyền tới người dân về việc bảo vệ nguồn nước và công trình cấp nước, sử dụng nước tiết kiệm. Nghiên cứu lộ trình thay đổi từ sử dụng nguồn nước ngầm sang nguồn nước mặt đối với một số khu vực trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

- Trong việc sử dụng năng lượng, Công ty luôn nâng cao ý thức trách nhiệm, sử dụng tiết kiệm. Lựa chọn áp dụng dây truyền công nghệ hiện đại, tiêu hao ít năng lượng hoặc lợi dụng sự thuận lợi về địa hình miền núi cao, tăng cường việc lựa chọn vị trí nguồn nước tự chảy, để hạn chế sử dụng năng lượng. Vào các giờ cao điểm hạn chế tối đa việc sử dụng điện năng bằng cách tạm dừng hoạt động của một số bơm, các thiết bị điện không cần thiết.

- Việc xả thải ra môi trường tuân thủ đúng quy định.

**6.2. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:**

- Công ty thực hiện nghĩa vụ của người sử dụng lao động theo đúng quy định của Bộ Luật lao động. Thực hiện đúng nội quy, quy chế lao động, kịp thời điều chỉnh, sửa đổi mức lương tối thiểu vùng, nhằm đảm bảo quyền lợi và nghĩa vụ cho người lao động.

- Việc chăm lo đời sống ổn định và nâng cao thu nhập cho người lao động luôn được công ty chú trọng. NLĐ được bố trí đủ việc làm, giải quyết đầy đủ chế độ chính sách theo Bộ Luật lao động và các Luật khác có liên quan như: Tiền lương, tiền thưởng theo kết quả kinh doanh của công ty và mức độ hoàn thành của NLĐ, đảm

bảo luôn cao hơn mức lương tối thiểu vùng do nhà nước quy định từng thời kỳ; chế độ ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, hỗ trợ khó khăn, đóng nộp BHXH, BHYT, BHTN đầy đủ,...vv. Tổ chức khám sức khỏe định kỳ hàng năm, tập huấn nâng cao chuyên môn nghiệp vụ, tay nghề, tham gia phong trào văn nghệ, thể thao tạo sân chơi lành mạnh cho người lao động, nhằm tái tạo sức lao động, qua đó nâng cao hiệu quả SXKD của công ty.

### **6.3. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của Doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:**

- Trong năm qua công ty tham gia tích cực vào hoạt động từ thiện, nhân đạo, chung tay góp sức hưởng ứng phong trào “xóa đói giảm nghèo”, “mái ấm tình thương”; ủng hộ xây dựng các quỹ từ thiện, quỹ phòng chống thiên tai, hỗ trợ lũ lụt, công tác giáo dục tại địa phương...

- Tiếp tục duy trì việc áp dụng giá nước tiêu thụ đối với khu vực NSNT, đảm bảo luôn thấp hơn giá nước tại các khu vực thành phố, thị trấn.

## **IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty.**

### **1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:**

#### **1.1. Tổng quan:**

Năm 2022 nền kinh tế toàn cầu đang trong quá trình phục hồi, nhưng vẫn tiếp tục chịu sự tác động của đại dịch Covid-19 kéo dài, làm cho nhiều doanh nghiệp phải ngừng hoạt động SXKD, phá sản trong đó các doanh nghiệp trong ngành nước cũng bị ảnh hưởng nặng nề. Nhưng với sự quyết liệt chỉ đạo của HĐQT, sự nỗ lực điều hành của Ban giám đốc cùng với sự đoàn kết, nhất trí cao của toàn thể người lao động, tình hình SXKD của công ty vẫn đảm duy trì ổn định, có tăng trưởng, công ty đã khắc phục mọi khó khăn, cơ bản hoàn thành các mục tiêu đề ra.

#### **1.2. Những kết quả đã đạt được:**

**1.2.1. Về sản xuất kinh doanh:** Năm 2022 kết quả SXKD của công ty đã đạt được qua một số chỉ tiêu chính sau:

STT	CHỈ TIÊU	Đơn vị	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện năm 2022	So sánh %
<b>I</b>	<b>CHỈ TIÊU SẢN XUẤT</b>				
1	Sản lượng nước khai thác	m <sup>3</sup>	10.065,79	10.434,96	103,7
2	Sản lượng nước tiêu thụ	m <sup>3</sup>	7.850,0	7.894,25	100,6
3	Tỷ lệ thất thoát	%	22,0	24,3	Tăng 2,3



II	CÁC CHỈ TIÊU VỀ TÀI CHÍNH				
1	Tổng doanh thu	Tr.đồng	64.291,0	68.036,9	105,8
2	Lợi nhuận trước thuế TNDN	Tr.đồng	2.658,8	4.398,8	
3	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tr.đồng	2.127,0	3.360,4	
4	Tỷ suất lợi nhuận/vốn chủ sở hữu	%	2,38	3,76	Tăng 1,38

*\* Đánh giá kết quả SXKD của công ty trong năm 2022:*

- Đảm bảo cấp nước an toàn, đầy đủ đáp ứng nhu cầu sử dụng của các cơ quan và nhân dân trên địa bàn toàn tỉnh, với 6/7 chỉ tiêu chủ yếu hoàn thành vượt mức kế hoạch đề ra.

- Công tác tài chính, kế toán được thực hiện đúng quy định của pháp luật, bảo toàn và phát triển nguồn vốn.

- Công tác đầu tư mở rộng sản xuất hiệu quả, kịp thời, quản lý theo đúng trình tự xây dựng cơ bản, đảm bảo tiến độ.

### **1.2.2. Công tác tổ chức nhân sự, chính sách đối với người lao động:**

- Tiếp tục kiện toàn bộ máy tổ chức, thực hiện luân chuyển, bổ nhiệm cán bộ tại một số vị trí nhằm tăng cường hiệu quả của công tác quản lý. Chuẩn bị công tác xây dựng nhân sự Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát cho nhiệm kỳ II (2023-2028).

- Rà soát mức lương của người lao động đảm bảo quy định mức lương tối thiểu vùng theo đúng quy định của Nhà nước.

- Đảm bảo đời sống vật chất, tinh thần, chăm sóc sức khỏe, giải quyết tốt các chế độ chính sách cho người lao động; tạo đủ việc làm, cải thiện điều kiện làm việc và đảm bảo thu nhập bình quân là 8,9 triệu đồng/người/tháng, đạt ở mức khá so với mặt bằng chung trong tỉnh.

### **1.2.3. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội:**

- Trong việc sử dụng năng lượng, Công ty luôn nâng cao ý thức trách nhiệm, sử dụng tiết kiệm. Lựa chọn áp dụng dây truyền công nghệ hiện đại, tiêu hao ít năng lượng hoặc lợi dụng sự thuận lợi về địa hình miền núi cao, tăng cường việc lựa chọn vị trí nguồn nước tự chảy, để hạn chế sử dụng năng lượng. Vào các giờ cao điểm hạn chế tối đa việc sử dụng điện năng bằng cách tạm dừng hoạt động của một số bơm, các thiết bị điện không cần thiết.

- Việc xả thải ra môi trường tuân thủ đúng quy định.

## **2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc:**

Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban giám đốc công ty trong năm 2022 đã được tiến hành thông qua các cuộc họp định kỳ, trao đổi thường xuyên giữa HĐQT với Ban giám đốc. Qua những kết quả đã được trong năm, Hội đồng quản trị đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ được giao của Ban Giám đốc như sau:

### **2.1. Về ưu điểm:**

- Trên cơ sở Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết của HĐQT, Ban giám đốc đã tổ chức điều hành tương đối tốt hoạt động của công ty theo kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được ĐHCĐ thông qua và Quyết định của HĐQT qua các kỳ họp; thực hiện tốt các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và HĐQT;

- Thực hiện tốt việc báo cáo định kỳ hằng tháng, hằng quý và các báo cáo đột xuất về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty khi có yêu cầu.

- Thực hiện nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, đảm bảo lợi ích tối đa của công ty và cổ đông.

- Ban Giám đốc đã xây dựng quy chế hoạt động và phân công nhiệm vụ cho từng thành viên gắn với trách nhiệm và quyền hạn rõ ràng.

- Các thành viên trong Ban giám đốc đoàn kết, hoàn thành tốt nhiệm vụ, chức trách theo lĩnh vực được phân công.

### **2.2. Về tồn tại, hạn chế:**

- Chỉ tiêu Tỷ lệ thất thoát chưa hoàn thành kế hoạch đề ra (tăng 2,3%).

- Công tác chỉ đạo điều hành hoạt động SXKD của Ban giám đốc chưa năng động, sáng tạo, quyết liệt; Tổ chức thực hiện “Phương án điều hành SXKD, chống thất thoát, thất thu, giảm tiêu hao nguyên vật liệu” chưa hoàn thành kế hoạch đề ra.

### **2.3. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế: (đã phân tích tại khoản 1, Mục III).**

## **3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:**

### **3.1. Một số chỉ tiêu Kế hoạch SXKD năm 2023.**

- Sản lượng nước khai thác	: 10.066.896 m <sup>3</sup>
- Sản lượng nước máy tiêu thụ	: 7.850.000 m <sup>3</sup>
- Tỷ lệ thất thoát	: 22%
- Định mức điện	: 0,37 kw/m <sup>3</sup>
- Phát triển khách hàng	: 1.224 hộ.
- Tổng doanh thu	: 66.763,0 triệu đồng.
- Lợi nhuận sau thuế	: 3.694,0 triệu đồng.

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn NN : 4,1%.
- Thu nhập bình quân : 8.434.352 đồng/người/tháng.
- Các khoản phải nộp NSNN : 11.900 triệu đồng.
- BHXH, BHYT, BHTT : 5.606,3 triệu đồng.

### 3.2. Các nhiệm vụ trọng tâm năm 2023.

Để thực hiện thành công kế hoạch SXKD năm 2023, HĐQT cam kết sẽ luôn cùng Ban giám đốc công ty xây dựng kế hoạch cụ thể, phù hợp với tình hình thực tiễn, chú trọng tổ chức thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm sau:

- Tăng cường chỉ đạo, giám sát, hỗ trợ Ban giám đốc thực hiện có hiệu quả Kế hoạch cải tạo, sửa chữa, thay thế các tuyến ống cấp nước và một số hạng mục công việc giai đoạn 2021-2025 theo "Phương án điều hành SXKD, chống thất thoát, thất thu và giảm tiêu hao nguyên vật liệu" đã được HĐQT phê duyệt.

- Cân đối bố trí nguồn vốn kịp thời để thực hiện kế hoạch cải tạo, sửa chữa và nguồn vốn để tiếp tục tổ chức thực hiện thay thế đồng hồ cấp A sang đồng hồ cấp B theo kế hoạch đã được HĐQT phê duyệt.

- Duy trì và giữ vững thị trường hiện tại; thực hiện tốt công tác tiếp thị khách hàng, mở rộng thị trường cấp nước trên địa bàn các Chi nhánh quản lý, đặc biệt chú trọng mở rộng thị trường trên địa bàn Thành phố.

- Phối hợp với các Ngân hàng trên địa bàn tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền đến khách hàng bằng nhiều hình thức khác nhau trong việc thanh toán tiền nước bằng hình thức không dùng tiền mặt theo đề án của Chính phủ.

## V. Quản trị công ty:

### 1. Hội đồng quản trị:

#### a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị gồm 06 thành viên, cụ thể như sau:

TT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ghi chú
1	Ông Lê Văn Hải	Chủ tịch HĐQT.	Thành viên không điều hành
2	Ông Hoàng Quang Huy	Thành viên HĐQT	Thành viên không điều hành
3	Bà Nông Thị Song Vân	Thành viên HĐQT	Thành viên không điều hành
4	Ông Lê Văn Hoành	Thành viên HĐQT, Giám đốc công ty	Thành viên điều hành
5	Ông Phạm Quang Sâm	Thành viên HĐQT	Thành viên điều hành
6	Bà Trần Thị Khánh	Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng công ty	Thành viên điều hành

## \* Ông: Lê Văn Hải - Chủ tịch HĐQT.

Họ và tên	: Lê Văn Hải.
Giới tính	: Nam.
Ngày tháng năm sinh	: 29/09/1963.
Quốc tịch	: Việt Nam.
Địa chỉ thường trú	: Số nhà 237, Tổ 11, phường Phan Thiết, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.
Căn cước công dân	: 015063000160, cấp ngày 03/4/2021 tại Cục CSQLHC về TTXH
Trình độ chuyên môn	: Cử nhân kinh tế.
Chức vụ hiện nay	: Chủ tịch Hội đồng quản trị.
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	: Không có.
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Từ 3/1983 - 5/1986: Chiến sỹ Bộ đội: E266 – F313 – QKII</li> <li>- Từ 9/1986 - 8/1987: Cán bộ Trường Sơ cấp nuôi dạy trẻ Tuyên Quang</li> <li>- Từ 9/1987 - 11/1995: Cán bộ Trường Mầm non Tân Trào Tuyên Quang</li> <li>- Từ 12/1995 - 12/1996: Nhân viên kế toán tổng hợp Phòng Tài vụ Xí nghiệp xi măng Tuyên Quang</li> <li>- Từ 1/1997 - 11/2008: Phó phòng Tài vụ Công ty Cổ phần xi măng Tuyên Quang</li> <li>- Từ 12/2008 - 6/2017: Trưởng phòng Tài vụ Công ty Cổ phần xi măng Tuyên Quang</li> <li>- Từ 7/2017 - 11/2017: Đại diện vốn nhà nước Công ty TNHH MTV cấp thoát nước Tuyên Quang</li> <li>- Từ 12/2017 đến nay: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tuyên Quang</li> </ul>
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ	: 6.173.200 cổ phần – chiếm 69,1% vốn điều lệ.
Trong đó:	
- Sở hữu cá nhân	: 40.000 cổ phần – chiếm 0,45% vốn điều lệ.
- Được ủy quyền đại diện phần vốn UBND tỉnh Tuyên Quang tại Công ty	: 6.133.200 cổ phần – chiếm 68,66% vốn điều lệ.
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan	: UBND tỉnh Tuyên Quang sở hữu 6.133.200 cổ phần – chiếm 68,66% vốn điều lệ (Ông Lê Văn Hải là đại diện sở hữu vốn của UBND tỉnh Tuyên Quang tại Công ty).
Các khoản nợ đối với Công ty	: Không có.
Lợi ích liên quan đối với Công ty	: Không có.

## \* Ông: Hoàng Quang Huy - Thành viên HĐQT.

Họ và tên	: Hoàng Quang Huy
Giới tính	: Nam.
Ngày tháng năm sinh	: 07/12/1993.
Quốc tịch	: Việt Nam.
Địa chỉ thường trú	: Số 166, Tổ 02 đường Chiến Thắng Sông Lô, phường Tân Quang, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.
Căn cước công dân	: 008093009718, cấp ngày 27/6/2021 tại Cục CSQLHC về TTXH
Trình độ chuyên môn	: Cử nhân kinh tế.
Chức vụ hiện nay	: Thành viên Hội đồng quản trị.
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	: Trưởng phòng Kế hoạch Công ty TNHH Đầu tư & Xây dựng Trung Thành.
Quá trình công tác	- Từ năm 2015 đến nay: Trưởng phòng Kế hoạch Công ty TNHH Đầu tư & Xây dựng Trung Thành. - Từ 12/2017 đến nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tuyên Quang.
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ	: 814.400 cổ phần – chiếm 9,12% vốn điều lệ.
Trong đó:	
- Sở hữu cá nhân	: 814.400 cổ phần – chiếm 9,12% vốn điều lệ.
- Được ủy quyền đại diện	: 0 cổ phần .
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan	: Không có.
Các khoản nợ đối với Công ty	: Không có.
Lợi ích liên quan đối với Công ty	: Không có.

## \* Bà: Nông Thị Song Vân - Thành viên HĐQT.

Họ và tên	: Nông Thị Song Vân.
Giới tính	: Nữ.
Ngày tháng năm sinh	: 14/3/1962.
Quốc tịch	: Việt Nam.
Địa chỉ thường trú	: Số nhà 152, đường Phạm Văn Đồng, tổ 01, phường Hưng Thành, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.
CMND	: 070964333 do Công an Tuyên Quang cấp ngày 05/09/2008

Trình độ chuyên môn	: Kỹ sư xây dựng.
Chức vụ hiện nay	: Thành viên Hội đồng quản trị.
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	: Không có.
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Từ 12/1985 - 3/2000: Cán bộ kỹ thuật thuộc Phòng Kế hoạch – Kỹ thuật Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Tuyên Quang</li> <li>- Từ 4/2000 – 02/2002: Phó trưởng Phòng Kỹ thuật Công ty Cấp thoát nước Tuyên Quang</li> <li>- Từ 3/2002 – 12/2004: Trưởng Phòng Kỹ thuật Công ty Cấp thoát nước Tuyên Quang</li> <li>- Từ 01/2005 – 02/3/2005: Trưởng phòng Kế hoạch – Kỹ thuật Công ty Cấp thoát nước Tuyên Quang</li> <li>- Từ 3/2005 – 12/2010: Phó Giám đốc Công ty Cấp thoát nước Tuyên Quang</li> <li>- Từ 01/2011 – 11/2017: Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Tuyên Quang</li> <li>- Từ 12/2017 – 30/06/2019: Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tuyên Quang.</li> <li>- Từ 01/7/2019 – nay: Thành viên HĐQT.</li> </ul>
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ	: 53.000 cổ phần – chiếm 0,59% vốn điều lệ.
Trong đó:	
- Sở hữu cá nhân	: 53.000 cổ phần – chiếm 0,59% vốn điều lệ.
- Được ủy quyền đại diện	: 0 cổ phần.
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan	: Không có.
Các khoản nợ đối với Công ty	: Không có.
Lợi ích liên quan đối với Công ty	: Không có.

**\* Ông: Phạm Quang Sâm - Thành viên HĐQT.**

Họ và tên	: Phạm Quang Sâm.
Giới tính	: Nam.
Ngày tháng năm sinh	: 16/11/1960.
Quốc tịch	: Việt Nam.
Địa chỉ thường trú	: Tổ 4, phường Tân Quang, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang

Căn cước công dân	: 008060000571, cấp ngày 04/4/2021 tại Cục CSQLHC về TTXH
Trình độ chuyên môn	: Kỹ sư xây dựng.
Chức vụ hiện nay	: Thành viên HĐQT.
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	: Không có.
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Từ 7/1984: Công nhân Liên hiệp Lâm công nghiệp Bắc Yên.</li> <li>- Từ 1985 – 1986: Công nhân Công ty Cấp thoát nước Tuyên Quang .</li> <li>- Từ 1986 – 1988: Học viên Trường cơ giới Xây dựng Việt Xô số 1.</li> <li>- Từ 1988 – 1996: Công nhân Công ty Cấp thoát nước Tuyên Quang.</li> <li>- Từ 1996 – 1997: Tổ trưởng tổ Cấp nước Công ty Cấp thoát nước Tuyên Quang.</li> <li>- Từ 1997 – 2004: Đội phó đội SXCN Công ty Cấp thoát nước Tuyên Quang.</li> <li>- Năm 2005: Phó phòng phụ trách phòng Kinh doanh Công ty Cấp thoát nước Tuyên Quang.</li> <li>- Từ 2006 – 2010: Đội trưởng đội SXCN Công ty Cấp thoát nước Tuyên Quang.</li> <li>- Từ 5/2010 – 8/2012: Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Tuyên Quang.</li> <li>- Từ 9/2012 – 2013: Phó Giám đốc Công ty kiêm Giám đốc Xí nghiệp cấp nước Na Hang Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Tuyên Quang.</li> <li>- Từ 2014 – 11/2017: Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Tuyên Quang.</li> <li>- Từ 12/2017 – 31/8/2019: Thành viên HĐQT - Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tuyên Quang.</li> <li>- Từ 01/9/2019 – 31/11/2020: Thành viên HĐQT - Phó Giám đốc phụ trách Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tuyên Quang.</li> <li>- Từ 01/12/2020 - đến nay: Thành viên HĐQT.</li> </ul>
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ. Trong đó:	: 45.100 cổ phần – chiếm 0,5% vốn điều lệ.
- Sở hữu cá nhân	: 45.100 cổ phần – chiếm 0,5% vốn điều lệ.
- Được ủy quyền đại diện	: 0 cổ phần .
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những NLQ	: Không có.
Các khoản nợ đối với Công ty	: Không có.
Lợi ích liên quan đối với Công ty	: Không có.

\* Ông: Lê Văn Hoàn - Thành viên HĐQT, Giám đốc công ty.

(Các thông tin cá nhân đã được trình bày tại mục Ban điều hành)

\* Bà: Trần Thị Khánh - Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng Công ty.

(Các thông tin cá nhân đã được trình bày tại mục Ban điều hành)

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2022, Hội đồng quản trị đã tổ chức 04 phiên họp định kỳ và 01 phiên họp bất thường.

TT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông: Lê Văn Hải	5/5	100%	
2	Ông: Hoàng Quang Huy (ủy quyền cho ông Hoàng Quang Trung tham dự, theo giấy ủy quyền ngày 11/4/2018).	5/5	100%	
3	Bà: Nông Thị Song Vân	4/5	80%	Ôm
4	Ông: Lê Văn Hoàn	5/5	100%	
5	Ông: Phạm Quang Sâm	5/5	100%	
6	Bà: Trần Thị Khánh	5/5	100%	

- Các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị:

TT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	245/NQ-HĐQT	17/01/2022	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Thông qua kết quả thực hiện SXKD quý IV và cả năm 2021; Kế hoạch SXKD quý I năm 2022.</li> <li>2. Thông qua báo cáo tài chính năm 2021 (Tự lập).</li> <li>3. Thông qua kế hoạch SXKD năm 2022, giao chỉ tiêu kế hoạch cho các đơn vị trực thuộc.</li> <li>4. Thông qua kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.</li> </ol>	100%
2	258/NQ-HĐQT	26/4/2022	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Thông qua kết quả SXKD quý I; Kế hoạch SXKD quý II năm 2022.</li> <li>2. Thông qua báo cáo tài chính quý I năm 2022 (Tự lập).</li> <li>3. Thông qua chủ trương lắp đặt bổ sung 02 máy bơm tại trạm xử lý nước mặt công suất 5.000m<sup>3</sup>/ngđ.</li> </ol>	100%



3	261/NQ-HĐQT	01/8/2022	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Thông qua kết quả hoạt động SXKD quý II và 06 tháng đầu năm 2022; Kế hoạch SXKD quý III và 06 tháng cuối năm 2022.</li> <li>2. Thông qua báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2022 (<i>Tự lập</i>).</li> <li>3. Thông qua Quy chế đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành công việc.</li> <li>4. Thông qua Ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền nhận cổ tức và ngày Chi trả cổ tức năm 2021.</li> <li>5. Thông qua Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị doanh nghiệp.</li> <li>6. Thông qua nâng bậc lương cho cán bộ lãnh đạo quản lý.</li> <li>7. Thông qua công tác tổ chức cán bộ.</li> </ol>	100%
4	267/NQ-HĐQT	18/11/2022	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Thông qua kết quả hoạt động SXKD quý III và 09 tháng năm 2022; Kế hoạch SXKD quý IV năm 2022; Kết quả thực hiện “Phương án điều hành SXKD, chống thất thoát, thất thu và giảm tiêu hao nguyên vật liệu” của các Chi nhánh.</li> <li>2. Thông qua báo cáo quyết toán tài chính 09 tháng năm 2022 (<i>Tự lập</i>).</li> <li>3. Thông qua lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022.</li> <li>4. Thông qua xử lý các khoản chi phí đầu tư xây dựng công trình “Nhà máy nước Cụm Công nghiệp Long Bình An”.</li> </ol>	100%
5	271/NQ-HĐQT	26/12/2022	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Thông qua Quy chế đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành công việc.</li> <li>2. Thông qua Quy chế quản lý tài chính.</li> <li>3. Thông qua chủ trương đầu tư xây dựng công trình “Lắp đặt đường ống cấp nước HDPE D110, D90 và D63 tại đường trục phát triển đô thị từ thành phố Tuyên Quang đi trung tâm huyện Yên Sơn (Đoạn từ Km 0+00 đến Km 1+300)”.</li> <li>4. Thông qua chủ trương về công tác tổ chức cán bộ.</li> </ol>	100%

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập: Công ty không có thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm: (*Không có*).

## 2. Ban Kiểm soát:

a) *Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:* Ban kiểm soát của công ty có 03 thành viên, cụ thể như sau:

STT	Thành viên Ban Kiểm soát	Chức vụ	Trình độ chuyên môn
1	Bà: Phạm Thị Thắng	Trưởng BKS	Cử nhân Tài chính Kế toán
2	Ông: Vũ Mạnh Cường	Thành viên BKS	Cử nhân Tài chính Kế toán
3	Bà: Trịnh Thị Phương	Thành viên BKS	Cử nhân Tài chính Kế toán

### \* Bà Phạm Thị Thắng – Trưởng Ban kiểm soát.

Họ và tên	: Phạm Thị Thắng.
Giới tính	: Nữ.
Ngày tháng năm sinh	: 02/09/1974.
Quốc tịch	: Việt Nam.
Địa chỉ thường trú	: SN 133, tổ 8 phường Hưng Thành, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.
Căn cước công dân	: 034174022405, cấp ngày 24/6/2021 tại Cục CSQLHC về TTXH
Trình độ chuyên môn	: Cử nhân kinh tế.
Chức vụ hiện nay	: Trưởng Ban kiểm soát.
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	: Không có.
Quá trình công tác	- Từ 10/1995 – 12/1995: Nhân viên kế toán đội Xây dựng 2 Công ty XD Tổng hợp thị xã Tuyên Quang - Từ 1/1996 – 11/2017: Nhân viên kế toán Công ty TNHH MTV cấp thoát nước Tuyên Quang - Từ 12/2017 – nay: Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tuyên Quang.
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ	: 7.400 cổ phần – chiếm 0,08% vốn điều lệ.
Trong đó:	
- Sở hữu cá nhân	: 7.400 cổ phần – chiếm 0,08% vốn điều lệ.
- Được ủy quyền đại diện	: 0 cổ phần .
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan	: Không có.
Các khoản nợ đối với Công ty	: Không có.
Lợi ích liên quan đối với Công ty	: Không có.

**\* Ông: Vũ Mạnh Cường – Thành viên Ban kiểm soát.**

Họ và tên	: Vũ Mạnh Cường.
Giới tính	: Nam.
Ngày tháng năm sinh	: 04/04/1980.
Quốc tịch	: Việt Nam.
Địa chỉ thường trú	: SN 04, tổ 1 phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.
Căn cước công dân	: 008080000846, cấp ngày 27/3/2021 tại Cục CSQLHC về TTXH
Trình độ chuyên môn	: Cử nhân kinh tế.
Chức vụ hiện nay	: Thành viên Ban kiểm soát.
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	: Không có.
Quá trình công tác	- Từ 2009 – 11/2017: Nhân viên kế toán – Công ty cấp thoát nước Tuyên Quang - Từ 12/2017 – nay: Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tuyên Quang.
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ	: 2.700 cổ phần – chiếm 0,03% vốn điều lệ.
<i>Trong đó:</i>	
- Sở hữu cá nhân	: 2.700 cổ phần – chiếm 0,03% vốn điều lệ.
- Được ủy quyền đại diện	: 0 cổ phần .
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan	: Không có.
Các khoản nợ đối với Công ty	: Không có.
Lợi ích liên quan đối với Công ty	: Không có.

**\* Bà: Trịnh Thị Phương – Thành viên Ban kiểm soát.**

Họ và tên	: Trịnh Thị Phương.
Giới tính	: Nữ.
Ngày tháng năm sinh	: 05/08/1972.
Quốc tịch	: Việt Nam.
Địa chỉ thường trú	: Tổ dân phố Tân Tiến, thị trấn Sơn Dương, huyện Sơn Dương, Tuyên Quang.

Căn cước công dân	: 008172000258, cấp ngày 12/3/2021 tại Cục CSQLHC về TTXH
Trình độ chuyên môn	: Cử nhân kinh tế.
Chức vụ hiện nay	: Thành viên Ban kiểm soát.
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	: Không có.
Quá trình công tác	- Từ 01/1998 – 5/2006: Nhân viên kế toán Ban quản lý nước sạch thị trấn Sơn Dương. - Từ 6/2006 – 6/2011: Nhân viên kế toán Ban quản lý công trình đô thị huyện Sơn Dương. - Từ 6/2011 – 11/2017: Nhân viên kế toán Xí nghiệp cấp nước Sơn Dương Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Tuyên Quang. - Từ 12/2017 – nay: Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tuyên Quang.
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ	: 3.800 cổ phần – chiếm 0,04% vốn điều lệ.
Trong đó:	
- Sở hữu cá nhân	: 3.800 cổ phần – chiếm 0,04% vốn điều lệ.
- Được ủy quyền đại diện	: 0 cổ phần .
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan	: Không có.
Các khoản nợ đối với Công ty	: Không có.
Lợi ích liên quan đối với Công ty	: Không có.

**b) Hoạt động của Ban kiểm soát:**

\* Các cuộc họp của Ban kiểm soát trong năm 2022:

TT	Thành viên Ban kiểm soát	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết
1	Bà: Phạm Thị Thắng	04	100%	100%
2	Ông: Vũ Mạnh Cường	04	100%	100%
3	Bà: Trịnh Thị Phương	04	100%	100%

*\* Hoạt động giám sát của Ban Kiểm soát đối với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và cổ đông:*

- Giám sát Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc trong việc quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của công ty; xem xét tính phù hợp các quyết định của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc trong công tác quản lý.

- Tham dự các cuộc họp giao ban của công ty, các cuộc họp định kỳ và bất thường của HĐQT. Trong các cuộc họp, Ban kiểm soát tham gia ý kiến đóng góp với những nội dung về công tác SXKD, công tác đầu tư và một số công tác khác của công ty.

*\* Sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với hoạt động Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc:*

- Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Ban kiểm soát luôn nhận được sự quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi từ Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý trong công ty để Ban kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ được giao. Đối với cổ đông, Ban kiểm soát không nhận được một khiếu nại nào về hoạt động của Công ty, về điều hành của HĐQT và Ban Giám đốc.

- Trong thực thi công việc, Ban kiểm soát không gây ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, không can thiệp vào những việc ngoài phạm vi trách nhiệm của mình.

*\* Hoạt động khác của Ban Kiểm soát:*

- Kiểm soát trình tự, thủ tục ban hành các văn bản của Công ty phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

- Kiểm soát Báo cáo tài chính: Giám sát Ban điều hành trong việc thực hiện công tác tài chính; kiểm tra, giám sát các báo cáo tài chính hằng năm đảm bảo tính trung thực và chính xác trong việc ghi chép, cập nhật chứng từ, sổ sách kế toán; kiểm tra các hợp đồng kinh tế, hợp đồng lao động,... của công ty; kiểm soát chi phí, doanh thu, việc sử dụng vốn trong các khoản mục đầu tư của các dự án; thẩm định báo cáo tài chính trên cơ sở Báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán độc lập.

- Giám sát việc thực thi công bố thông tin của công ty theo các quy định của Luật Chứng khoán, xem xét tính minh bạch của quá trình công bố thông tin để đảm bảo quyền lợi của các cổ đông.

**3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát:**

*a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:*

Tiền lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc được thể hiện chi tiết theo bảng sau:

Đơn vị: Đồng Việt Nam.

TT	Họ và tên	Chức vụ	Tiền lương, thu nhập khác	Thù lao	Tổng thu nhập
1	Lê Văn Hải	Chủ tịch HĐQT	382.895.460		382.895.460
2	Nông Thị Song Vân	Thành viên HĐQT		30.000.000	30.000.000
3	Phạm Quang Sâm	Thành viên HĐQT		30.000.000	30.000.000
4	Hoàng Quang Huy	Thành viên HĐQT		30.000.000	30.000.000
5	Lê Văn Hoàn	Thành viên HĐQT, Giám đốc	325.645.260	30.000.000	355.645.260
6	Trần Thị Khánh	Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng	271.146.391	30.000.000	301.146.391
7	Đình Tiến Dũng	Phó Giám đốc	289.501.790		289.501.790
8	Phạm Thị Thắng	Trưởng BKS	132.476.121	30.000.000	162.476.121
9	Vũ Mạnh Cường	Thành viên BKS	128.904.085	21.600.000	150.504.085
10	Trương Thị Phương	Thành viên BKS	109.021.754	21.600.000	130.621.754

b) *Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ*: Không có.

c) *Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ*: Không có.

d) *Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty*: Công ty đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật và Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

## VI. Báo cáo tài chính.

### 1. Ý kiến kiểm toán:

#### *“Ý kiến của Kiểm toán viên*

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tuyên Quang tại ngày 31/12/2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

#### *Vấn đề khác*

Ngày 16 tháng 03 năm 2022, chúng tôi đã đưa ra ý kiến ngoại trừ đối với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 về kinh phí bù giá nước sạch nông thôn được trình bày là “Thu nhập khác” do kinh phí này chưa được các cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, quyết toán và chúng tôi cũng chưa thu

thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về cơ sở ghi nhận. Tuy nhiên, năm 2022, Sở Tài chính tỉnh Tuyên Quang sau khi thanh tra về việc sử dụng kinh phí nước sạch đã phê duyệt kinh phí Công ty được hưởng, và các điều chỉnh cần thiết (Thuyết minh số 24) đã được ghi nhận phù hợp trên Báo cáo tài chính năm nay của Công ty.

Ngoài ra, Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2021 cũng được chúng tôi đưa ý kiến nhấn mạnh về chi phí thực hiện dự án đầu tư xây dựng “Nhà máy nước cụm công nghiệp – dịch vụ - Đô thị Long Bình An” (Thuyết minh số 09). Tuy nhiên, Hội đồng Quản trị Công ty cũng đã ra Quyết định số 268/QĐ-HĐQT ngày 21/11/2022 về việc không tiếp tục thực hiện dự án này, và toàn bộ chi phí đầu tư xây dựng của dự án đã được ghi nhận vào chi tiêu “Chi phí khác” (Thuyết minh số 25) trên Báo cáo kết quả kinh doanh của Báo cáo tài chính năm nay.”

## **2. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm:**

- Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán.

- Toàn văn bản báo cáo tài chính năm 2022 cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2022 - 31/12/2022 đã được kiểm toán và đăng tải vào ngày 16/3/2023 trên Website công ty tại địa chỉ: <http://capthoatnuoctuyenquang.vn/>.

### **Nơi nhận:**

- UBCK Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội;
- Thành viên HĐQT;
- Trưởng Ban kiểm soát;
- Ban Giám đốc;
- Website công ty;
- Lưu VT, HĐQT, Thư ký công ty.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ** #



**Lê Văn Hải**

